TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 650/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận G, ngày 23 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 394/2024/HNST ngày 25 tháng 6 năm 2024, gồm:

Người yêu cầu:

Ông Mai Văn T, sinh năm 1976

Bà Đặng Nguyễn Phương T1, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: A Chung cư E, Đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T qua một thời gian tìm hiểu, cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 167/2005, Quyển số 01/PTQ do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2005).

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường

xuyên cãi vã. Cả hai đã cùng nhau khắc phục các mâu thuẫn để cùng nhau chăm lo gia đình, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nay ông bà không còn yêu thương nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay.

Hiện nay, ông Mai Văn T và bà Đặng Nguyễn Phương T1 xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Mai Văn T và bà Đặng Nguyễn Phương T1 cùng thống nhất yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T có 01 con chung họ tên là: Mai Đặng Thủy T2 (Nữ), sinh ngày 05/03/2006 (Đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu Ký hiệu BLTU/23P số 0019474 ngày 25/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 167/2005, Quyển số 01/PTQ do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2005 không còn giá trị pháp lý).

[1.2]. Về con chung: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T có 01 con chung họ tên là: Trẻ Mai Đặng Thủy T2 (Nữ), sinh ngày 05/03/2006 (Đã trưởng thành).

[1.3]. Về tài sản chung: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

[1.4]. Về nợ chung: Không có.

[2]. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu Ký hiệu BLTU/23P số 0019474 ngày 25/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Nguyễn Phương T1 và ông Mai Văn T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/ q đã thực hiện việc Đ KKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk V.Phương).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy